

Số: 24 /2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND thành phố Hà Nội ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 395/TTr-SCT ngày 16 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND thành phố Hà Nội ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND thành phố Hà Nội ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội như sau:

- Bổ sung phụ lục số 34: Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn;
- Thay thế phụ lục số 46: Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương;

(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2026

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *chm*

- Như Điều 2;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực HĐND TP; *(để b/cáo)*
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, các PCM;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin dữ liệu và công nghệ số TP;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *chm*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền
Nguyễn Mạnh Quyền

PHỤ LỤC SỐ 34

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm
cho cơ sở công nghiệp nông thôn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

	Trang
I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật	3
3. Áp dụng định mức	4
II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	4
1. Quy trình thực hiện dịch vụ	4
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ	6
III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT	7

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2 Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn”

theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ, tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với 01 phòng trưng bày được hỗ trợ.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

a. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày (Pano trang trí 60m²; Bục kê các loại 10 cái, Thảm trải 400m²)

b. Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày (Pano trang trí 60m²; Bục kê các loại 10 cái)

c. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng và các chi phí khác (nếu có).

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn” thực hiện theo quy trình sau:

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện dịch vụ (nếu có)
Bước 2	Gửi văn bản mời các đơn vị tham gia
2.1	Xây dựng văn bản, trình cấp có thẩm quyền ban hành
2.2	Gửi văn bản tới các đơn vị liên quan
2.3	Tổng hợp, đánh giá xác định nhu cầu Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn
2.4	Lên phương án Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn
Bước 3	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn
Bước 4	Hỗ trợ, hướng dẫn đơn vị cơ sở công nghiệp nông thôn lập hồ sơ tham gia
Bước 5	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn của các đơn vị có nhu cầu hỗ trợ.
Bước 6	Đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ đăng ký Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn
6.1	Lập phương án đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ
6.2	Tiến hành đánh giá, xác minh dữ liệu trong hồ sơ:
-	Khảo sát hiện trạng
-	Xác minh dữ liệu kê khai trong hồ sơ (dữ liệu sẵn có và thực địa nếu cần)
Bước 7	Thành lập hội đồng đánh giá
7.1	Liên hệ các thành viên hội đồng
7.2	Dự thảo và trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Hội đồng

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 8	Tổng hợp kết quả đánh giá xác minh dữ liệu hồ sơ đăng ký của đơn vị, báo cáo hội đồng đánh giá sơ bộ
8.1	Tổng hợp kết quả đánh giá xác minh dữ liệu hồ sơ đăng ký của đơn vị
8.2	Xây dựng báo cáo, phiếu đánh giá sơ bộ gửi các thành viên Hội đồng
8.3	Tổng hợp kết quả đánh giá của hội đồng
Bước 9	Tổ chức Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn
Bước 10	Thực hiện thanh quyết toán
10.1	Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu sản phẩm đối với đơn vị cung cấp dịch vụ
10.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
10.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
10.4	Lưu trữ hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia có chuyên môn đến lĩnh vực xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch hỗ trợ cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ thực hiện xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		duyet.	
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ	Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở được hỗ trợ cam kết về việc sẽ sử dụng kết quả hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn” như sau:

Đơn vị tính: 01 phòng trưng bày

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
34.00			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	0,73
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	0,81
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	12,35
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	13,81
	Máy tính xách tay	Ca	3,90
	Máy in	Ca	0,81
	Máy điện thoại di động	Ca	1,30
	Máy chiếu	Ca	1,30
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	1,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	3,30
	Mực in	hộp	0,47
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

PHỤ LỤC SỐ 46

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic
phục vụ hoạt động ngoại thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

	Trang
I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật	3
3. Áp dụng định mức	4
II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	5
1. Quy trình thực hiện dịch vụ	6
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ	7
III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT	8

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2 Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy,

mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương”; bao gồm chi phí lao động, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với 01 kế hoạch. Tiêu chuẩn tính định mức là 30 doanh nghiệp/đơn vị được hỗ trợ và chưa bao gồm hao phí cho các công tác đưa đón đoàn nước ngoài vào Việt Nam, đoàn Việt Nam ra nước ngoài, công tác tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài, công tác tổ chức hội nghị trong nước, công tác tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước.

a) Trường hợp tăng N đơn vị được hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(N \times 0,025)$.

Ví dụ tăng 2 đơn vị được hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$.

b) Trường hợp giảm N đơn vị được hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(N \times 0,025)$.

Ví dụ giảm 3 đơn vị được hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(3 \times 0,025) = 0,925$.

c) Trường hợp thực hiện công tác “Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” thì áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật nêu tại điểm 2 phần III phụ lục này.

d) Trường hợp thực hiện công tác “Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài cho đối tượng thuộc chương trình phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic

phục vụ hoạt động ngoại thương” thì áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật nêu tại điểm 3 phần III phụ lục này.

e) Trường hợp thực hiện công tác “Tổ chức hội nghị về hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” thì áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật nêu tại điểm 4 phần III phụ lục này.

f) Trường hợp thực hiện công tác “Tổ chức hội chợ, triển lãm về hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” thì áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật nêu tại điểm 5 phần III phụ lục này.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của:

a) Chi phí “Tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistic”: chi phí thuê 30 gian hàng tiêu chuẩn (do ban tổ chức nước ngoài quy định cách thức và giá cả); chi phí trang trí hội chợ triển lãm làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: in ấn 76 m² pano, phướn, băng rôn; 180m khung nhôm gắn biển trán gian hàng; 38 đèn led có tay dài; 20 biển cột gian hàng.

b) Chi phí “Mời 01 đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistic, trung tâm logistic phục vụ hoạt động ngoại thương (đoàn gồm 30 người)”: chi phí thuê xe đưa đón sân bay 02 lượt, 02 xe 29 chỗ, thuê 30 phòng khách sạn, 02 xe đi lại làm việc cho đoàn doanh nghiệp; 04 phiên dịch; biên dịch; chi phí tổ chức 01 buổi làm việc (hội trường, trang trí, nước uống, tài liệu, phiên dịch).

c) Chi phí “Tổ chức 01 diễn đàn logistic Việt Nam” làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 01 hội trường, 01 hệ thống âm thanh, ánh sáng, màn hình led, thù lao giảng viên; nước uống; 04 biển chỉ dẫn, xe ô tô đưa đón đoàn tổ chức Hội nghị, 01 gói vận chuyển ấn phẩm, tài liệu phục vụ hội nghị trong 2 ngày (trong nội thành Hà Nội); 01 backdrop chụp ảnh; chi phí thiết kế, in, chuyển phát 300 giấy mời Hội nghị và phong bì; tài liệu phục vụ Hội nghị; thẻ Ban Tổ chức + thẻ đại biểu + thẻ báo chí, văn phòng phẩm; chi phí trang trí hội trường: 20 biển tên đại biểu; 1 lẵng hoa bọc phát biểu, 10 bát hoa bàn đại biểu + bàn lễ tân; 8 standee trong hành lang, 4 standee chống đỡ trước sảnh tòa nhà, trước cổng tòa nhà...

d) Chi phí “Tổ chức 01 hội chợ, triển lãm quốc tế về logistic tại Việt Nam” (quy mô 300 gian hàng bao gồm gian hàng cho doanh nghiệp và 01 không gian trưng bày giới thiệu sản phẩm (kích thước: 30m x 9m, tương đương 30 gian hàng tiêu chuẩn); 01 không gian kết nối giao thương (kích thước: 30m x 9m, tương đương 30 gian hàng tiêu chuẩn); 01 không gian giới thiệu, quảng bá sản phẩm, trình diễn, dùng thử sản phẩm tới khách hàng (kích thước: 30m x 9m, tương đương 30 gian hàng tiêu chuẩn); 05 cụm tiểu cảnh trang trí; 02 cổng chào; 01 khu vực tổ chức khai mạc (01 khu vực lễ tân và 01 khu vực khách ngồi, khu vực sân khấu, âm thanh, ánh sáng, màn hình led, dẫn chương trình, biểu diễn nghệ thuật...)

Chi phí gian hàng tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng như sau: diện tích là 9m² (3m x 3m), cao 2,5m; hệ khung nhôm: gồm 8 thanh nhôm có rãnh định hình; 4 thanh ngang dài 3m có rãnh; 06 vách kadivi; 01 pano vách lưng gian hàng 7,5m²; 01 sàn pallet 9m²; 01 biển tên gian hàng 1,2m²; 01 hệ thống dây điện, ổ điện, bóng điện led công suất 100w (01 ổ điện, 5m dây, attomat 30A); bộ bàn,

ghế gian hàng: 01 bàn + 02 ghế có đầy đủ khăn phủ, váy quây, áo ghế; in đề can bồi formex dày 10mm 01 logo Hội chợ gắn trước bàn gian hàng (kích thước 2mx0,8m); 01 bình chữa cháy loại 4kg; 01 thùng rác loại 5l; chi phí vệ sinh, an ninh, điện nước và PCCC.

Chi phí tuyên truyền, quảng bá hội chợ, triển lãm làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 30 standee biển hộp đèn; 10 pano quảng cáo Hội chợ; 10 pano trụ tam giác chân đứng đặt xung quanh hội chợ; 120 phướn tuyên truyền cho Hội chợ treo quanh Hội chợ và trên các tuyến đường chính; 04 băng zôn quảng bá chương trình treo tại khu vực diễn ra Hội chợ; 14 lượt spot chạy quảng cáo chương trình trên phương tiện thông tin; sản xuất 3600 tờ rơi giới thiệu, quảng bá Hội chợ trước thời điểm diễn ra; 1100 thẻ Ban Tổ chức+ doanh nghiệp; sản xuất 200 giấy mời khai mạc; in 30 biển tên đại biểu.

e) Chi phí tham gia 01 hội chợ, triển lãm quốc tế về logistic tại Việt Nam:

- Chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn/ thuê đất trống (270 m² tương đương 30 gian hàng tiêu chuẩn) làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng (căn cứ trên báo giá của đơn vị tổ chức).

- Chi phí trang trí, dàn dựng khu gian hàng tham gia hội chợ, triển lãm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: dàn dựng 270m² khung dàn nhôm làm khung xương chịu lực cho khu gian hàng; 270m² sàn; 02 cổng; 132 m² trần khung gian hàng nhôm mặt trước, 66m² trần khung giàn nhôm mặt bên; 56m² pano ốp cột; 01 mô hình tiểu cảnh; 12 bức chữ L; 04 bức tròn đa cấp; 08 cụm trang trí 3D; 08 bức vuông đa cấp; 30m² pano chân đứng; 12 cây cảnh trang trí; 20 đèn pha led; trang trí 270 nón treo thả trần có bóng đèn trong, 150 đèn lồng bằng tre theo thả có bóng chiếu sáng; 06 trụ tam giác; 270m² thảm trải sàn.

- Chi phí tuyên truyền, quảng bá khu gian hàng tham gia hội chợ, triển lãm làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 01 màn hình led; bo màn hình led; 05 chiếc standee; đăng 05 bài viết, 10 tin, 10 ảnh tuyên truyền về khu gian hàng thành phố tại Hội chợ trên báo điện tử, cổng thông tin điện tử.

- Chi phí đoàn công tác tham gia hội chợ, triển lãm làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: chi phí vé máy bay, thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú, xe đi lại, xe đưa đón sân bay.

f) Chi phí tổ chức 01 hội nghị thống nhất báo cáo kết quả hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương: 01 hội trường, 01 backdrop trang trí, nước uống, tài liệu.

g) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, tư vấn đấu thầu, thẩm định giá, chi phí quản lý chương trình và các chi phí khác.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phức lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” thực hiện theo quy trình sau:

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập đoàn chuyên gia, chuyên viên hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương.
Bước 3	Khảo sát, thu thập dữ liệu về hiện trạng về phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương
Bước 4	Lập báo cáo đánh giá hiện trạng về phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương
Bước 5	Lựa chọn danh sách các doanh nghiệp, đối tượng thực hiện vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các doanh nghiệp, đối tượng thực hiện vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 7	Liên hệ, trao đổi với doanh nghiệp được lựa chọn
Bước 8	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai tại các doanh nghiệp được lựa chọn
Bước 9	Tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistic
Bước 10	Mời đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistic, trung tâm logistic phục vụ hoạt động ngoại thương
Bước 11	Tổ chức diễn đàn logistic Việt Nam
Bước 12	Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế về logistic tại Việt Nam
Bước 13	Theo dõi công tác hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương
Bước 14	Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương
Bước 15	Duyệt báo cáo cấp tổ chuyên gia
Bước 16	Duyệt báo cáo cấp đơn vị
Bước 17	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương
Bước 18	In báo cáo, xác nhận báo cáo của doanh nghiệp và biên bản kết thúc công việc
Bước 19	Xây dựng báo cáo tổng kết
Bước 20	Phê duyệt báo cáo tổng kết
Bước 21	Thanh quyết toán
21.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị thực hiện
21.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
21.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
21.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về lĩnh vực phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ theo lĩnh vực có liên quan của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sản xuất và tiêu dung bền vững đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn đơn vị được hỗ trợ	Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ	Nội dung cần đánh giá được hiện trạng của cơ sở và đề xuất được các giải pháp giúp phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic cho cơ sở được hỗ trợ	Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng giải pháp đã trình bày trong báo cáo	Kiểm tra, đối chiếu xác nhận của cơ sở được hỗ trợ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” như sau:

Đơn vị tính: 01 kế hoạch

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
46.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	1,46
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	2,11
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	115,7
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	64,35
	Máy tính xách tay	Ca	54,93
	Máy in	Ca	0,81
	Máy điện thoại di động	Ca	0,33
	Máy chiếu	Ca	1,3
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	6
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	3,3
	Mực in	hộp	0,47
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác “Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” như sau:

Đơn vị tính: 1 sự kiện

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
46.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,42
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	7,8
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	98,67
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	64,36
	Máy tính xách tay	Ca	4,58
	Máy in	Ca	0,81
	Máy điện thoại di động	Ca	0,26
	Máy chiếu	Ca	1,04
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	4
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	3,3
	Mực in	hộp	0,47
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác “Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài cho đối tượng thuộc chương trình phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” như sau:

Đơn vị tính: 1 sự kiện

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
46.03			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên bậc 4/9	Công	6,88
	Chuyên viên bậc 6/9	Công	7,28
	Chuyên viên chính bậc 2/8	Công	106,24
2	Định mức máy móc, thiết bị		0
	Máy tính để bàn	Ca	112,8
	Máy tính xách tay	Ca	15,6
	Máy in	Ca	0,1
	Máy chiếu	Ca	1,6
	Điện thoại để bàn	Ca	1,2
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	1
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,8
	Mực in	Hộp	0,1
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác “Tổ chức hội nghị về hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương” như sau:

Đơn vị tính: 1 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
46.04			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	5,38
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	10
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	54,87
2	Định mức máy móc, thiết bị		0
	Máy tính để bàn	Ca	45,59
	Máy tính xách tay	Ca	10,88
	Máy in	Ca	1,08
	Máy điện thoại di động	Ca	1,56
	Máy chiếu	Ca	1,04
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	2
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	4,4
	Mực in	hộp	0,63

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện công tác “Tổ chức hội chợ, triển lãm về hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương”

Đơn vị tính: 1 sự kiện

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
46.05			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2,1 bậc 2/8	Công	9,88
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	10,4
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	418,6
2	Định mức máy móc, thiết bị		0
	Máy tính để bàn	Ca	403,52
	Máy tính xách tay	Ca	19,76
	Máy in	Ca	1,08
	Máy điện thoại di động	Ca	1,56
	Máy chiếu	Ca	1,56
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	5
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	4,4
	Mực in	hộp	0,63
4	Chi phí gián tiếp	%	19%